

DỰ THẢO 1

THÔNG TƯ

**Quy định phương pháp xây dựng khung giá phát điện
nhà máy điện thủy điện tích năng**

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Điều tiết điện lực;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định phương pháp xây dựng khung giá phát điện nhà máy điện thủy điện tích năng.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định phương pháp, trình tự lập, thẩm định và phê duyệt khung giá phát điện của nhà máy thủy điện tích năng.

2. Thông tư này áp dụng đối với các đối tượng sau đây:

- Nhà máy thủy điện tích năng tham gia thị trường điện;
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- Các tổ chức cá nhân có liên quan.

3. Thông tư này không áp dụng đối với các nhà máy điện phối hợp vận hành với nhà máy điện lớn, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh, nhà máy điện cung cấp dịch vụ phụ trợ hệ thống điện quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 21/2015/TT-BCT ngày 23 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá dịch vụ phụ trợ hệ thống điện, trình tự kiểm tra hợp đồng cung cấp dịch vụ phụ trợ hệ thống điện

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Nhà máy thủy điện tích năng* là nhà máy thủy điện sử dụng hệ thống các hồ chứa ở các mức cao trình khác nhau để tích trữ năng lượng và phát điện.
2. *Nhà máy điện chuẩn* là nhà máy điện thủy điện tích năng đã được lựa chọn nhà đầu tư trên cơ sở thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia, có quy mô công suất phổ biến, đại diện cho loại hình nhà máy thủy điện tích năng, được sử dụng để tính toán khung giá phát điện cho loại hình nhà máy điện đó.

Chương II

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH KHUNG GIÁ PHÁT ĐIỆN

Điều 3. Nguyên tắc xây dựng khung giá phát điện

Khung giá phát điện của nhà máy điện thủy điện tích năng là dải giá trị từ 0 (đồng/kWh) đến mức giá của nhà máy điện chuẩn. Mức giá của nhà máy điện chuẩn được xác định theo phương pháp quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Điều 7 Thông tư này.

Điều 4. Phương pháp xác định giá phát điện của nhà máy điện chuẩn

Giá phát điện P^{ND} (đồng/kWh) của nhà máy điện chuẩn được xác định theo công thức sau:

$$P^{ND} = FC + FOMC + VC$$

Trong đó:

FC: Giá cố định bình quân của nhà máy chuẩn được xác định theo phương pháp quy định tại Điều 5 Thông tư này (đồng/kWh);

FOMC: Giá vận hành và bảo dưỡng cố định của nhà máy điện chuẩn được xác định theo phương pháp quy định tại Điều 6 Thông tư này (đồng/kWh);

VC: Giá biến đổi của năm áp dụng khung giá của nhà máy điện chuẩn được xác định theo phương pháp quy định tại Điều 7 Thông tư này (đồng/kWh).

Điều 5. Phương pháp xây dựng giá cố định bình quân của Nhà máy điện chuẩn

1. Giá cố định bình quân FC (đồng/kWh) của nhà máy điện chuẩn là thành phần để thu hồi chi phí đầu tư, được xác định theo công thức sau:

$$FC = \frac{TC_{VĐT}}{A_{bq}}$$

Trong đó:

$TC_{VĐT}$: Chi phí vốn đầu tư xây dựng nhà máy chuẩn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) được quy đổi đều hàng năm xác định theo quy định tại Khoản 2 Điều này (đồng);

A_{bp} : Điện năng bình quân năm tại điểm giao nhận xác định theo quy định tại khoản 5 Điều này (kWh).

2. Chi phí vốn đầu tư của nhà máy điện chuẩn được quy đổi đều hàng năm $TC_{VĐT}$ (đồng) theo công thức sau:

$$TC_{VĐT} = (SĐT \times P_t) \times \frac{(1+i)^n \times i}{(1+i)^n - 1}$$

Trong đó:

SĐT: Suất đầu tư của nhà máy điện chuẩn được xác định theo quy định tại Khoản 3 Điều này (đồng/kW);

P_t : Tổng công suất tính của nhà máy điện chuẩn (kW);

n: Đời sống kinh tế của nhà máy điện chuẩn được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này (năm);

i: Tỷ suất chiết khấu tài chính của nhà máy điện chuẩn được xác định theo quy định tại Khoản 4 Điều này (%).

3. Suất đầu tư (SĐT) là chi phí đầu tư cho 01 (một) kW công suất tính bình quân của nhà máy điện chuẩn được tính toán trên cơ sở Tổng mức đầu tư có hiệu lực, cập nhật tỷ giá ngoại tệ tại thời điểm tính toán khung giá phát điện, tham khảo số liệu của các tổ chức tư vấn (nếu cần thiết).

4. Tỷ suất chiết khấu tài chính i (%) áp dụng chi phí sử dụng vốn bình quân gia quyền danh định trước thuế được xác định theo công thức sau:

$$i = \frac{(D \times r_d + E \times r_e) \times n_D + r_e \times (n - n_D)}{n}$$

Trong đó:

D: Tỷ lệ vốn vay trong tổng mức đầu tư được quy định tại Phụ lục 1 Thông tư này (%);

E: Tỷ lệ vốn góp chủ sở hữu trong tổng mức đầu tư được quy định tại Phụ lục 1 Thông tư này (%);

n: Đời sống kinh tế của Nhà máy điện chuẩn được quy định tại Phụ lục 1 Thông tư này (năm);

n_D : Thời gian trả nợ vay bình quân được quy định tại Phụ lục 1 Thông tư này (năm);

r_d : Lãi suất vốn vay được xác định theo quy định tại điểm a Khoản này (%);

r_e : Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên phần vốn góp chủ sở hữu được xác định theo quy định tại điểm b Khoản này (%).

a) Lãi suất vốn vay r_d (%) được tính bằng lãi suất bình quân gia quyền các nguồn vốn vay nội tệ và ngoại tệ theo công thức sau:

$$r_d = D_F \times r_{d,F} + D_D \times r_{d,D}$$

Trong đó:

D_F : Tỷ lệ vốn vay ngoại tệ trong tổng vốn vay được quy định tại Phụ lục 1 Thông tư này (%);

D_D : Tỷ lệ vốn vay nội tệ trong tổng vốn vay được quy định tại Phụ lục 1 Thông tư này (%);

$r_{d,F}$: Lãi suất vốn vay ngoại tệ được xác định bằng lãi suất bình quân SOFR (Secured Overnight Financing Rate) kỳ hạn bình quân 180 ngày (180 Days – Average) của 36 tháng liền kề thời điểm xây dựng khung giá được công bố bởi Fed (Website: www.newyorkfed.org) cộng với tỷ lệ bình quân năm các khoản phí thu xếp khoản vay của ngân hàng là 3%/năm;

$r_{d,D}$: Lãi suất vốn vay nội tệ được xác định bằng trung bình của lãi suất tiền gửi bằng đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng trả sau dành cho khách hàng cá nhân của 05 năm trước liền kề của năm xây dựng khung giá, xác định tại ngày 30 tháng 9 hàng năm của bốn ngân hàng thương mại (Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam hoặc đơn vị kế thừa hợp pháp của các ngân hàng này) cộng với tỷ lệ bình quân năm dịch vụ phí của các ngân hàng là 3,5% (%/năm).

b) Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên phần vốn góp chủ sở hữu r_e (%) được xác định theo công thức sau:

$$r_e = \frac{r_{e,pt}}{(1-t)}$$

Trong đó:

$r_{e,pt}$: Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên phần vốn góp chủ sở hữu là 12%;

t : Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bình quân trong đời sống kinh tế của Nhà máy điện chuẩn được xác định theo quy định hiện hành của Nhà nước (%).

5. Điện năng bình quân năm tại điểm giao nhận Abq (kWh) của nhà máy điện chuẩn được xác định theo sản lượng điện thiết kế có tính đến tình hình thực tế kể từ nhà máy hòa lưới điện trên cơ sở nhu cầu hệ thống điện, lượng nước bơm lên hồ chứa.

Điều 6. Phương pháp xây dựng giá vận hành và bảo dưỡng cố định của nhà máy điện chuẩn

Giá vận hành và bảo dưỡng cố định FOMC (đồng/kWh) của nhà máy điện chuẩn là thành phần để thu hồi chi phí sửa chữa lớn, nhân công và các chi phí khác hàng năm, được xác định theo công thức sau:

$$FOMC = \frac{TC_{FOMC}}{E_{bq}}$$

Trong đó:

- TC_{FOMC} : Tổng chi phí vận hành và bảo dưỡng cố định của nhà máy điện được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều này (đồng);
- E_{bq} : Điện năng giao nhận bình quân nhiều năm của nhà máy điện được xác định theo quy định tại khoản 5 Điều 5 Thông tư này (kWh).

2. Tổng chi phí vận hành và bảo dưỡng cố định TC_{FOMC} (đồng) của nhà máy điện chuẩn được xác định theo công thức sau:

$$TC_{FOMC} = SĐT \times P_t \times k_{O\&M}$$

Trong đó:

- SĐT: Suất đầu tư của nhà máy điện được xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư này (đồng/kW).
- P_t : Công suất tính của nhà máy điện chuẩn (kW).
- $k_{O\&M}$: Tỷ lệ chi phí vận hành và bảo dưỡng cố định trong suất đầu tư của nhà máy điện được xác định trên cơ sở tham khảo số liệu của các tổ chức tư vấn hoặc số liệu vận hành thực tế từ các dự án tương tự đã thực hiện (%).

Điều 7. Phương pháp xác định giá biến đổi của nhà máy điện chuẩn cho năm áp dụng khung giá

Giá biến đổi của nhà máy điện chuẩn cho năm áp dụng khung giá (VC) là thành phần để thu hồi chi phí tích trữ nước, được xác định theo sản lượng điện tiêu thụ trong chu kỳ tích trữ nước và đơn giá bán lẻ điện giờ thấp điểm áp dụng cho các ngành sản xuất theo quy định. Trong đó, sản lượng điện tiêu thụ trong chu kỳ tích trữ nước được xác định bằng *[theo số liệu thực tế của nhà máy được lựa chọn làm nhà máy điện chuẩn]* sản lượng phát của nhà máy.

Chương III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÂY DỰNG VÀ BAN HÀNH KHUNG GIÁ PHÁT ĐIỆN

Điều 8. Trình tự xây dựng và ban hành khung giá phát điện

1. Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm:
 - a) Đề xuất lựa chọn nhà máy điện chuẩn để tính toán khung giá phát điện của nhà máy thủy điện tích năng (nếu có);
 - b) Tính toán hoặc có thể thuê tư vấn lựa chọn bộ thông số và tính toán giá phát điện của nhà máy điện chuẩn theo quy định tại Chương II Thông tư này.
 - c) Lập hồ sơ tính toán khung giá phát điện theo quy định tại Điều 9 Thông tư này, trình Cục Điều tiết điện lực thẩm định.
 - d) Trường hợp các thông số tính toán khung giá biến động cần thiết phải tính toán lại khung giá phát điện, Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm

tính toán lại báo cáo Cục Điều tiết điện lực thẩm định trình Bộ Công Thương ban hành.

2. Cục Điều tiết điện lực có trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ trình duyệt. Trường hợp cần thiết, Cục Điều tiết điện lực có văn bản yêu cầu Tập đoàn Điện lực Việt Nam sửa đổi, bổ sung hoặc giải trình làm rõ các nội dung trong hồ sơ. Chậm nhất 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu sửa đổi, bổ sung hoặc giải trình làm rõ các nội dung trong hồ sơ của Cục Điều tiết điện lực, Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm gửi văn bản báo cáo giải trình về nội dung trong hồ sơ theo yêu cầu.

3. Cục Điều tiết điện lực có trách nhiệm tổ chức thẩm định khung giá phát điện, trình Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt khung giá phát điện và công bố trên trang thông tin điện tử của Cục Điều tiết điện lực.

Điều 9. Hồ sơ đề nghị phê duyệt khung giá phát điện

Hồ sơ đề nghị phê duyệt khung giá phát điện bao gồm:

1. Tờ trình đề nghị thẩm định và phê duyệt khung giá phát điện.
2. Bảng thông số và các tài liệu tính toán giá phát điện cho các nhà máy điện chuẩn theo quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.
3. Các tài liệu liên quan đến các thông số tính toán giá phát điện.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Cục Điều tiết điện lực có trách nhiệm thẩm định khung giá phát điện hằng năm và trình Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt.
2. Trong trường hợp cần thiết, Cục Điều tiết điện lực xây dựng lại bảng các thông số được sử dụng tính toán giá phát điện cho nhà máy điện thủy điện tích năng chuẩn quy định tại Phụ lục Thông tư này, báo cáo Bộ Công Thương xem xét, quyết định.
3. Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm:
 - a) Lựa chọn hoặc thuê tư vấn lựa chọn nhà máy thủy điện tích năng chuẩn.
 - b) Tính toán hoặc thuê tư vấn tính toán khung giá phát điện áp dụng cho nhà máy thủy điện tích năng.
 - c) Trình Cục Điều tiết điện lực hồ sơ tính toán khung giá phát điện nhà máy thủy điện tích năng theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 Thông tư này.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2024.
2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phản ánh về Bộ Công Thương để bổ sung, sửa đổi cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam, các Tổng công ty Điện lực;
- Công báo;
- Website Chính phủ, Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, ĐTĐL.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Sinh Nhật Tân

Phụ lục**CÁC THÔNG SỐ ĐƯỢC SỬ DỤNG TÍNH TOÁN KHUNG GIÁ PHÁT ĐIỆN***(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2024/TT-BCT**ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)***THÔNG SỐ SỬ DỤNG TRONG TÍNH TOÁN GIÁ PHÁT ĐIỆN CỦA
NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN TÍCH NĂNG**

TT	Hạng mục	Ký hiệu	Thông số
I	Đời sống kinh tế		
	Nhà máy thủy điện tích năng chuẩn	n_{MT}	40 năm
II	Tỷ lệ các nguồn vốn trong tổng vốn đầu tư của Nhà máy thủy điện tích năng chuẩn (%)		
1	Tỷ lệ vốn vay	D	70 %
2	Tỷ lệ vốn góp chủ sở hữu	E	30 %
3	Tỷ lệ vốn vay ngoại tệ	D_F	80 %
4	Tỷ lệ vốn vay nội tệ	D_D	20 %
III	Thời gian trả nợ bình quân (năm)	n_D	10 năm